

THÔNG BÁO
Kết quả tuyển dụng viên chức năm 2018

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định 1324/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định một số nội dung về tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố;

Căn cứ báo cáo kết quả xét tuyển của Hội đồng tuyển dụng viên chức;

Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng thông báo kết quả xét tuyển viên chức 2018 như sau:

1. Về kết quả điểm xét tuyển:

Có bảng tổng hợp kết quả xét tuyển viên chức Bệnh viện Phụ Sản kèm theo.

2. Thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo kết quả xét tuyển

Nếu có thắc mắc về điểm số xét tuyển của mình các thí sinh gửi đơn phúc khảo về Hội đồng tuyển dụng viên chức (qua Phòng Tổ chức cán bộ); không phúc khảo đối với điểm kiểm tra, sát hạch.

Thời gian nhận đơn phúc khảo: Từ ngày 08/7/2019 đến hết ngày 19/7/2019.

Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng thông báo tới tất cả các thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐTD;
- Sở Y tế;
- Sở Nội vụ;
- CNTT (đăng công TT);
- HCQT (Niêm yết tại bảng tin);
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
PGS.TS.BS *Vũ Văn Tâm*

KẾT QUẢ KIỂM TRA SÁT HẠCH XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN PHỤ SẢN NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 640/TB-BVPS ngày 08/07/2019 của Giám đốc bệnh viện)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
I		Vị trí: Khám bệnh, chữa bệnh:									
		Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa:									
1	001	Phạm Văn	Đô	16/6/1989		Thạc sĩ y học chuyên ngành sản phụ khoa	84.33	84.33	0		Bỏ kiểm tra sát hạch
		Bác sĩ nội trú chuyên ngành sản phụ khoa:									
2	002	Đỗ Diễm	Hường		21/7/1990	Bác sĩ đa khoa, tốt nghiệp Bác sĩ nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	84.46	90.00	99.5	373.46	
		Bác sĩ đa khoa có chứng chỉ định hướng, chứng nhận đào tạo chuyên ngành Sản phụ khoa, chuyên ngành Nhi, Sơ sinh, hoặc đang học bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa 1 trở lên chuyên ngành sản phụ khoa, Nhi:									
3	003	Đào Thị Lan	Anh		16/2/1994	Bác sĩ đa khoa đang theo học BS nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	75.30	81.00	88.5	333.30	
4	004	Bùi Thị	Hiếu		16/11/1992	Bác sĩ đa khoa, chuyên khoa định hướng Sản phụ khoa	73.31	81.67	14		
5	005	Nguyễn Văn	Hoàng	21/10/1992		Bác sĩ đa khoa đang theo học BS nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	77.97	79.17	99	355.13	
6	006	Lê Thu	Hương		13/4/1987	Bác sĩ đa khoa, có CC chuyên khoa định hướng nhi, đang theo học BSCK1 nhi	70.23	81.20	97	345.43	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
7	007	Lê Thị	Nga		30/12/1993	Bác sĩ đa khoa đang theo học BS nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	76.13	72.43	92	332.56	
8	008	Lê Thị Kim	Ngân		20/6/1991	Bác sĩ đa khoa, có CN điều trị các bệnh lý sơ sinh thường gặp	72.35	85.00	98	353.35	
9	009	Đoàn Xuân	Quảng	25/7/1993		Bác sĩ đa khoa đang theo học BS nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	74.94	70.00	84.5	313.94	
10	010	Phạm Thị Minh	Tâm		20/6/1994	Bác sĩ đa khoa đang theo học BS nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	77.41	73.33	94.5	339.74	
11	011	Vũ Thị	Thái		18/8/1989	Bác sĩ đa khoa, đang theo học BSCK1 chuyên ngành Nhi	73.41	90.00	86	335.41	
12	012	Trần Thúy	Thêu		15/6/1988	Bác sĩ đa khoa, đang theo học BSCK1 chuyên ngành Nhi	71.06	81.00	96	344.06	
13	013	Nguyễn Thị Hồng	Vân		7/6/1994	Bác sĩ đa khoa, có CC chuyên khoa định hướng Nhi khoa	74.76	87.77	95	352.53	
14	014	Phạm Thị	Vân		27/11/1983	Bác sĩ đa khoa, đang học BSCK1 chuyên ngành sản phụ khoa	76.00	94.40	89.5	349.40	
II		Vị trí : Chăm sóc bệnh nhân									
		Đại học Điều dưỡng:									
1	015	Trần Thị	Phương		15/4/1982	Đại học điều dưỡng đa khoa	74.13	85.50	90.75	341.13	
2	016	Đoàn Thị	Thanh		6/12/1992	Cử nhân điều dưỡng đa khoa	70.42	73.33	96	335.76	
3	017	Bùi Thị Ngọc	Thúy		23/12/1991	Cử nhân điều dưỡng	71.44	71.44	92	326.88	

phn

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
		Đại học Điều dưỡng chuyên ngành Sản phụ khoa:									
4	018	Đặng Thị	Dung		11/6/1995	Cử nhân điều dưỡng	69.00	69.00	89	316.00	
		Cao đẳng điều dưỡng:									
5	019	Bùi Thị Ngọc	Anh		21/9/1993	Cao đẳng điều dưỡng	69.85	78.33	92.5	333.18	
6	020	Nguyễn	Anh		8/5/1993	Cao đẳng điều dưỡng	67.71	83.33	89	329.05	
7	021	Dương Thị Thu	Chinh		15/12/1994	Cao đẳng điều dưỡng	71.40	75.00	100	346.40	
8	022	Nguyễn Hương	Hiền		24/7/1991	Cao đẳng điều dưỡng	66.93	75.00	90	321.93	
9	023	Nguyễn Thanh	Huyền		5/8/1993	Cao đẳng điều dưỡng	69.69	81.67	89.25	329.86	
10	024	Nguyễn Thanh	Huyền		21/9/1996	Cao đẳng điều dưỡng	67.39	78.33	92.5	330.72	
11	025	Nguyễn Thu	Huyền		21/6/1993	Cao đẳng điều dưỡng	64.76	64.76	90	309.52	
12	026	Hoàng Thị Mai	Lan		20/4/1992	Cao đẳng điều dưỡng	72.57	75.00	93.5	334.57	
13	027	Phan Thị Thùy	Linh		21/10/1988	Cao đẳng điều dưỡng	68.35	79.17	90	327.52	
14	028	Bùi Thị	Thảo		23/8/1991	Cao đẳng điều dưỡng; có CN cấp cứu cơ bản sơ sinh	68.75	70.00	98	334.75	
15	029	Bùi Thị Vân	Thảo		28/11/1989	Cao đẳng điều dưỡng	71.73	76.67	91.75	331.90	
16	030	Đoàn Thị Hương	Thảo		22/6/1996	Cao đẳng điều dưỡng	65.44	81.67	97	341.11	

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
17	031	Phạm Thị Thu	Trà		13/9/1996	Cao đẳng điều dưỡng	70.54	75.00	98	341.54	
18	032	Lại Thùy	Trang		24/8/1989	Cao đẳng điều dưỡng	72.75	82.50	92	339.25	
		Điều dưỡng trung cấp:									
19	033	Nguyễn Thị	Cảnh		21/8/1993	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	71.00	73.33	94.75	333.83	
20	034	Trương Thị Thu	Giang		22/3/1985	Y sỹ đa khoa, chuyển đổi y sỹ sang điều dưỡng, đang học cao đẳng điều dưỡng	70.73	80.00	97	344.73	
21	035	Đào Thị	Hà		26/6/1983	Điều dưỡng trung cấp đang học cao đẳng điều dưỡng	69.31	65.00	91	316.31	
22	036	Nguyễn Thu	Hà		18/11/1994	Y sỹ đa khoa, chuyển đổi y sỹ sang điều dưỡng, đang học cao đẳng điều dưỡng	71.50	78.33	95.5	340.83	
23	037	Nguyễn Thị	Hằng		1/8/1984	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	68.47	85.00	80	313.47	
24	038	Nguyễn Thị Thu	Hằng		10/5/1994	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	69.90	75.00	90.5	325.90	
25	039	Nguyễn Thị	Hiên		15/5/1989	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	63.98	86.67	96	342.64	
26	040	Bùi Thị Minh	Hiên		1/4/1983	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	67.33	83.33	90.5	331.66	

gms

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
27	041	Bùi Thị Thu	Hường		27/11/1992	Y sỹ đa khoa, có CC hành nghề khám chữa bệnh, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	73.39	85.00	95	348.39	
28	042	Nguyễn Thị	Hường		7/12/1983	Điều dưỡng trung cấp, đang theo Đại học Điều dưỡng	74.09	88.33	62.5	287.42	
29	043	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		5/2/1987	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	63.70	81.67	89	323.36	
30	044	Nguyễn Thị	Lan		8/12/1995	Điều dưỡng trung cấp, đang theo Đại học Điều dưỡng	69.03	90.00	90	339.03	
31	045	Đặng Thị	Lệ		24/7/1983	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	74.59	70.00	91.75	328.09	
32	046	Nguyễn Thị	Lê		30/10/1994	Y sỹ đa khoa, chứng chỉ chuyển đổi y sỹ sang điều dưỡng đang theo học cao đẳng điều dưỡng, CCHN	78.00	80.00	97.5	353.00	
33	047	Lê Thị Triều	Liên		19/12/1989	Điều dưỡng đa khoa đang học cao đẳng điều dưỡng	64.40	88.33	94.5	341.73	
34	048	Nguyễn Thị	Linh		11/4/1990	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	66.64	81.67	94	336.30	
35	049	Đặng Bích	Ngà		8/9/1989	Y sỹ đa khoa, chuyển đổi y sỹ sang điều dưỡng, đang học cao đẳng điều dưỡng	67.55	83.33	92	334.88	
36	050	Vũ Thị Yến	Ngọc		25/2/1994	Y sỹ đa khoa, chuyển đổi y sỹ sang điều dưỡng, đang học cao đẳng điều dưỡng	62.29	71.67	95	323.96	

gms

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
37	051	Dương Thị Kim	Thoa		21/9/1987	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	73.45	78.33	89.5	330.78	
38	052	Nguyễn Thị Diệu	Thuần		22/2/1989	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	72.50	91.67	94.5	353.17	
39	053	Phạm Thị	Thùy		21/12/1985	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	71.27	88.33	82.5	324.61	
40	054	Phạm Thị Thu	Thủy		10/11/1984	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	67.02	88.33	98	351.36	
41	055	Vũ Thị	Thủy		16/7/1992	Y sỹ đa khoa, chuyển đổi y sỹ sang điều dưỡng, đang học cao đẳng điều dưỡng	61.41	76.67	86.5	311.07	
42	056	Nguyễn Thị Hà	Trang		3/7/1993	Y sỹ đa khoa, chuyển đổi y sỹ sang điều dưỡng, đang học cao đẳng điều dưỡng	75.08	78.33	81	315.41	
43	057	Hoàng Thị	Vân		20/10/1992	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	71.59	83.33	89.5	333.93	
44	058	Nguyễn Thị	Yên		9/2/1995	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	68.36	81.67	71.5	293.03	
		Hộ sinh trung cấp:									
45	059	Đỗ Phương	Anh		7/1/1996	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	74.35	90.00	88.5	341.35	

ĐM

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
46	060	Lê Thị	Bền		7/9/1973	Hộ sinh trung cấp, đã tốt nghiệp ĐH điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa	67.78	67.78	92.5	320.56	
47	061	Nguyễn Thị Thu	Duyên		7/5/1985	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	66.36	75.00	95	331.36	
48	062	Phạm Thị Thu	Hà		10/6/1983	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	68.38	88.33	98	352.71	
49	063	Nguyễn Thị An	Hải		9/5/1989	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	63.78	58.33	93	308.12	
50	064	Đào Thị Mai	Hương		6/9/1994	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	76.90	90.00	90.5	347.90	
51	065	Dương Thu	Hường		12/6/1987	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	71.98	75.00	90	326.98	
52	066	Nguyễn Thị Thanh	Hương		18/11/1996	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	72.58	85.00	93.75	345.08	
53	067	Phạm Thị	Huyền		25/7/1994	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	76.15	85.00	92.5	346.15	
54	068	Cao Thị Hoàng	Liên		29/9/1991	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	71.33	88.33	96	351.67	
55	069	Nguyễn Thị Thùy	Linh		20/9/1996	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	71.50	86.67	91.5	341.17	
56	070	Nguyễn Thùy	Linh		30/10/1992	Hộ sinh trung cấp, đang theo học đại học điều dưỡng	75.76	91.67	96	359.43	
57	071	Trần Diệu	Linh		13/7/1994	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	75.00	81.67	85.75	328.17	
58	072	Nguyễn Thị Thu	Ngọc		3/2/1983	Hộ sinh trung cấp, đã tốt nghiệp cao đẳng điều dưỡng	64.63	76.67	94.5	330.29	

Trần

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
59	073	Phạm Thị	Nhân		21/10/1988	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	73.08	80.00	90.5	334.08	
60	074	Đỗ Huyền	Phuong		23/11/1994	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	73.48	85.00	94.5	347.48	
61	075	Ngô Thị Như	Quỳnh		19/3/1982	Hộ sinh trung cấp, đang theo học đại học	68.88	85.00	91.5	336.88	
62	076	Nhữ Thị Diệp	Thùy		19/11/1983	Hộ sinh trung cấp, đang học cao đẳng điều dưỡng	75.21	93.33	94	356.55	
63	077	Nguyễn Thị	Thụy		19/2/1986	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	65.00	81.67	93.5	333.67	
64	078	Lưu Thu	Thùy		21/3/1988	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	69.38	86.67	95	346.05	
65	079	Nguyễn Thị Minh	Trang		26/6/1992	Hộ sinh trung cấp, đang theo học đại học điều dưỡng	67.53	78.33	92	329.86	
66	080	Nguyễn Thị Thùy	Trang		26/9/1990	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	72.08	90.00	95.25	352.58	
67	081	Vũ Thị	Vân		8/6/1984	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	69.45	85.00	63.5	281.45	
68	082	Đặng Thị Hải	Yến		15/2/1992	Hộ sinh trung cấp, đang theo học cao đẳng	73.58	81.67	90.75	336.75	
III		Xét nghiệm									
		Bác sĩ đa khoa có chứng chỉ định hướng chuyên ngành Huyết học truyền máu:									
1	083	Lê Thị	Chuyên		27/3/1982	Bác sĩ đa khoa, có chứng chỉ chuyên ngành Huyết học-truyền máu	72.06	83.75	89.5	334.81	

ĐƠN

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
		Bác sĩ đa khoa:									
2	084	Nguyễn Thị Hải	Anh		15/2/1990	Đại học y khoa lâm sàng (Trung Quốc), CCHNBSĐK/ĐHSPK; chuyên khoa định hướng vi sinh y học	75.42	66.00	90.5	322.42	
3	085	Trần Thị Thanh	Huyền		27/10/1988	Bác sĩ đa khoa, chứng chỉ hướng chuyên khoa vi sinh	76.95	78.00	94	342.95	
		Đại học xét nghiệm:									
4	086	Nguyễn Xuân	Đĩnh	28/2/1987		Đại học xét nghiệm	63.68	75.00	89	316.68	
5	087	Nguyễn Thị	Hà		29/9/1991	Cử nhân xét nghiệm y học	75.98	90.00	95.5	356.98	
6	088	Nguyễn Thị	Thời		2/1/1993	Cử nhân xét nghiệm y học	75.36	75.36	90.5	331.71	
		Cao đẳng xét nghiệm:									
7	089	Bùi Thị Hoàng	Cúc		28/1/1991	Cao đẳng xét nghiệm đa khoa	75.83	75.83	94.5	340.67	
8	090	Bùi Thế	Dũng	11/9/1989		Cao đẳng xét nghiệm y học	67.26	75.00	91	324.26	
9	091	Trịnh Thùy	Dương		7/4/1988	Cử nhân cao đẳng xét nghiệm y học	79.64	78.75	94.5	347.39	
		Trung cấp xét nghiệm:									
10	092	Lê Tâm	Anh		12/10/1996	Trung cấp xét nghiệm y học đang học đại học xét nghiệm	61.58	80.00	92.5	326.58	

gmv

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
11	093	Đặng Thu	Hà		16/2/1985	Trung cấp xét nghiệm y học đang học cao đẳng	66.89	72.00	95	328.89	
12	094	Phạm Thị	Hoa		16/3/1989	Trung cấp xét nghiệm đang học cao đẳng	66.43	80.00	91.5	329.43	
13	095	Hà Thị Thu	Huệ		17/11/1987	Trung cấp kỹ thuật xét nghiệm	68.70	72.50	93.5	328.20	
14	096	Phạm Quang	Huy	11/3/1981		Điều dưỡng trung cấp, Chứng chỉ chuyển đổi đào tạo Chương trình kỹ thuật viên trình độ trung cấp chuyên ngành xét nghiệm; đang học cao đẳng xét nghiệm	65.88	78.00	91.5	326.88	
15	097	Đỗ Thu	Huyền		11/12/1990	Trung cấp xét nghiệm đang học cao đẳng	71.36	90.00	91.5	344.36	
16	098	Vũ Thị Bích	Nhuân		11/11/1994	Trung cấp xét nghiệm đang học cao đẳng	67.50	70.00	92	321.50	
17	099	Lê Xuân	Quang	6/6/1989		Y sỹ đa khoa, Chứng chỉ chuyển đổi đào tạo Chương trình kỹ thuật viên trình độ trung cấp chuyên ngành xét nghiệm; đang học cao đẳng xét nghiệm	77.26	78.00	94.5	344.26	
18	100	Phạm Thị Thu	Thảo		16/10/1994	Hộ sinh trung cấp, Chứng chỉ chuyển đổi đào tạo Chương trình kỹ thuật viên trình độ trung cấp chuyên ngành xét nghiệm; đang học cao đẳng xét nghiệm	67.65	85.00	90	332.65	

gmo

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
19	101	Hoàng Thị	Thương		21/9/1986	Trung cấp xét nghiệm đang học cao đẳng	68.02	83.33	95	341.36	
20	102	Phạm Thị Thu	Trang		3/4/1990	Trung cấp xét nghiệm y học đang học cao đẳng	72.65	75.50	91.5	331.15	
21	103	Đặng Văn	Tuân	14/10/1987		Trung cấp xét nghiệm y học đang học cao đẳng	72.18	63.33	94	323.51	
IV		Vị trí Chẩn đoán hình ảnh:									
1	104	Lê Hồng	Biên	2/6/1988		Cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học	74.92	77.50	95	342.42	
2	105	Lê Thị Thu	Huyền		7/11/1994	Bác sĩ đa khoa, có CC siêu âm sản phụ khoa (có trong chuyên ngành CĐHA)	73.25	82.23	90	335.49	
3	106	Nguyễn Ngọc	Tuân	23/7/1981		Kỹ thuật viên điện quang; CN XQ kỹ thuật số, cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ; CC trợ giúp điện quang can thiệp	61.76	65.00	92	310.76	
V		Gây mê hồi sức									
		Bác sĩ có chứng chỉ định hướng chuyên ngành gây mê hồi sức:									
1	107	Nguyễn Thị	Hà		6/11/1989	Bác sĩ đa khoa, có CC định hướng chuyên khoa GMHS	75.41	86.50	95.5	352.91	

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
		Điều dưỡng trung cấp hoặc trung cấp y có bồi dưỡng các lĩnh vực thuộc chuyên ngành GMHS:									
2	108	Nguyễn Tuấn	Anh	23/1/1986		Y sỹ đa khoa, có chứng chỉ đào tạo phụ gây mê, CC hành nghề, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	66.22	81.67	92.5	332.89	
3	109	Nguyễn Tuấn	Anh	26/10/1992		Y sỹ đa khoa, có CC hành nghề, có CC đào tạo chương trình Điều dưỡng gây mê hồi sức, đang theo học Đại học điều dưỡng	68.81	75.00	63.5	270.81	
4	110	Nguyễn Minh	Hiếu	14/10/1994		Điều dưỡng trung cấp, có CC Điều dưỡng hồi sức sau mổ, có CN đào tạo liên tục Tít dụng cụ phẫu thuật CN gây mê hồi sức, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	69.75	80.00	98.5	346.75	
5	111	Hoàng Thị	Hoa		23/2/1990	Điều dưỡng trung cấp, có CC điều dưỡng hồi sức sau mổ, đang theo học Đại học điều dưỡng	73.16	90.00	96	355.16	
6	112	Nguyễn Thị Lan	Hương		19/11/1985	Điều dưỡng trung cấp, có CN đào tạo kỹ thuật viên GMHS, có bằng cao đẳng điều dưỡng	73.62	70.00	89.5	322.62	
7	113	Lê Thị	Huyền		30/10/1986	Điều dưỡng trung cấp, có CN đào tạo kỹ thuật viên GMHS, có bằng cao đẳng điều dưỡng	68.00	85.00	97.5	348.00	

HÀNG
TÀI
CHÍNH

gms

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
8	114	Phạm Thị	Oanh		12/3/1987	Điều dưỡng đa khoa, có CN đào tạo liên tục Phụ gây mê chuyên ngành gây mê hồi tỉnh, đã tốt nghiệp cao đẳng điều dưỡng	71.93	75.00	99.5	345.93	
9	115	Phạm Đức	Thành	15/12/1993		Y sỹ đa khoa, có CC hành nghề khám chữa bệnh, có CN đào tạo tít dụng cụ phẫu thuật, đang theo học Đại học điều dưỡng	70.06	75.00	98.5	342.06	
10	116	Trần Thị Hoài	Thu		6/10/1984	Điều dưỡng trung cấp, có CC Điều dưỡng hồi sức sau mổ, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	73.23	88.33	95	351.56	
11	117	Đỗ Huyền	Trang		24/7/1989	Điều dưỡng trung cấp, có CC điều dưỡng hồi sức sau mổ, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	65.74	88.33	96	346.08	
12	118	Nguyễn Nhật	Trường	4/11/1994		Điều dưỡng trung cấp, có CN đào tạo tít dụng cụ phẫu thuật, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	62.32	65.00	100	327.32	
13	119	Phạm Thanh	Tùng	9/10/1991		Điều dưỡng trung cấp, có chứng chỉ kỹ thuật viên dụng cụ nội soi, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	64.32	73.33	98.5	334.65	

Y TẾ TH

[Signature]

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
VI		Vị trí Dược:									
		Dược sĩ Đại học:									
1	120	Phạm Thị Thùy	Linh		9/11/1984	Đại học Dược	77.05	90.00	83.75	334.55	
2	121	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		8/5/1993	Đại học Dược	54.17	54.17	94	296.33	
3	122	Nguyễn Thị Phương	Thảo		19/11/1995	Đại học Dược	78.10	87.67	70.5	306.76	
		Dược sĩ Cao đẳng:									
4	123	Phạm Hoàng	Long	5/9/1993		Dược sĩ Cao đẳng	64.68	81.67	35		
5	124	Nguyễn Thị	Uyên		15/7/1997	Dược sĩ Cao đẳng	69.88	74.33	92.5	329.21	
		Dược sĩ trung học:									
6	125	Phạm Thị Phương	Anh		19/10/1983	Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	67.33	76.67	81.5	307.00	
7	126	Hoàng Tuấn	Đạt	3/1/1990		Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	63.00	66.67	27.5		
8	127	Ngô Văn	Dũng	6/4/1985		Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	75.24	88.00	89	341.24	
9	128	Phạm Thị Thùy	Dương		11/9/1990	Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	62.72	75.00	53	243.72	
10	129	Phạm Thị Thu	Huyền		11/12/1978	Dược sĩ trung cấp, đang học Cao đẳng Dược	74.79	76.67	90	331.46	

Đã kiểm tra

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
11	130	Lương Thị	Lan		3/7/1986	Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	79.69	90.00	95	359.69	
12	131	Nguyễn Hồng	Nhung		18/6/1988	Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	69.72	76.67	89	324.39	
13	132	Phạm Thị	Trang		1/2/1986	Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	62.03	71.67	35		
14	133	Đặng Hải	Yến		4/1/1990	Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	63.21	87.67	60.25	271.37	
15	134	Đỗ Thị Hoàng	Yến		13/8/1984	Dược sĩ trung cấp, đã tốt nghiệp Cao đẳng Dược	64.95	86.67	90	331.61	
16	135	Nguyễn Thị	Yên		15/7/1984	Dược sĩ Cao đẳng	64.84	75.00	61	261.84	
VII		Vị trí Quản lý chất lượng bệnh viện:									
1	136	Trương Thị Mỹ	Linh		3/4/1990	Bác sĩ đa khoa, đang học BSCK1 chuyên ngành sản phụ khoa	67.35	72.50	87.5	314.85	
VIII		Vị trí Chỉ đạo tuyển:									
1	137	Nguyễn Cao Hà	Phương		10/12/1994	Bác sĩ đa khoa	73.49	79.00	93	338.49	
IX		Vị trí Công tác xã hội:									
1	138	Nguyễn Thị Mai	Anh		24/11/1988	Y sĩ đa khoa, chuyển đổi y sĩ sang điều dưỡng, đang học cao đẳng điều dưỡng	66.89	64.67	68	267.56	
2	139	Lương Thị Hồng	Cầm		9/9/1986	Điều dưỡng trung cấp, đã tốt nghiệp cao đẳng điều dưỡng	68.20	76.32	93.5	331.51	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
3	140	Vũ Thị	Hòa		26/7/1996	Cao đẳng điều dưỡng	79.00	79.00	92.5	343.00	
4	141	Mạc Mạnh	Hùng	17/8/1993		Bác sĩ y học dự phòng	70.10	85.60	99	353.70	
5	142	Nguyễn Thị	Hương		12/11/1989	Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	70.43	81.67	95	342.10	
6	143	Đặng Huy	Nghĩa	30/12/1993		Điều dưỡng trung cấp, đang theo học cao đẳng điều dưỡng	59.95	71.67	87	305.61	
7	144	Ngô Thị Minh	Nguyệt		26/10/1990	Điều dưỡng trung cấp, đã tốt nghiệp cao đẳng điều dưỡng	71.35	80.83	92.25	336.68	
X		Vị trí Công tác hành chính:									
1	145	Vũ Thị Minh	Tâm		11/2/1989	Cử nhân kế toán	68.21	78.00	97.5	341.21	
2	146	Bạch Xuân	Thành	24/10/1983		Đại học Quản trị kinh doanh	56.73	60.00	98	312.73	
3	147	Trần Thị Minh	Trang		13/1/1987	Cử nhân kinh tế	75.18	93.00	98	364.18	
XI		Vị trí công tác công nghệ thông tin:									
1	148	Chu Quang	Đạo	1/7/1987		Đại học Công nghệ thông tin	66.58	56.67	96	315.25	
2	149	Đoàn Minh	Tú	27/7/1984		Đại học Công nghệ thông tin	58.18	62.50	95.5	311.68	
3	150	Bùi Thanh	Tùng	7/11/1979		Đại học Công nghệ thông tin	58.77	72.48	96	323.24	
4	151	Nguyễn Xuân	Việt	12/1/1988		Đại học Công nghệ thông tin	60.73	74.18	98	330.91	

Đào

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
XII		Vị trí công tác kế toán:									
1	152	Hà Thị Phương	Anh		21/9/1992	Cử nhân kế toán, kiểm toán	66.98	60.00	98	322.98	
2	153	Trịnh Thị	Anh		7/11/1980	Đại học kinh tế vận tải biển - Thạc sỹ kinh tế tài chính, ngân hàng	62.52	72.27	45		
3	154	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		10/12/1986	Cử nhân kế toán	73.13	73.13	70	286.25	
4	155	Nguyễn Thị	Hiền		11/2/1990	Cử nhân kế toán	68.10	67.18	85	305.28	
5	156	Đỗ Thị Thu	Hoài		27/8/1986	Cử nhân ngành kế toán	68.18	66.67	0		Bỏ kiểm tra sát hạch
6	157	Nguyễn Thị	Hợp		1/10/1985	Cử nhân kế toán	58.72	63.33	100	322.06	
7	158	Đặng Quỳnh	Nga		28/11/1991	Cử nhân tài chính - ngân hàng	73.47	95.00	90	348.47	
8	159	Lê Bình	Son	26/1/1988		Cử nhân ngành kế toán	70.43	85.00	100	355.43	
9	160	Vũ Thị Hoài	Thu		1/7/1983	Cử nhân Quản trị tài chính-kế toán	56.49	57.75	16		
10	161	Cao Thị Minh	Thu		24/7/1989	Cử nhân kế toán	66.72	73.33	15		
11	162	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		6/12/1987	Cử nhân ngành kế toán	62.33	68.33	85	300.67	
12	163	Đỗ Thị	Tươi		23/8/1987	Cử nhân kế toán	59.79	70.00	14		

Đu

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ						
XIII		Vị trí Công tác văn thư lưu trữ:									
1	164	Phạm Thị	Yên	23/12/1989		Đại học kế toán - có chứng chỉ văn thư lưu trữ	69.28	69.28	95	328.56	

Jon